TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2022/DS-PT
Ngày 30-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng ủy quyền và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- TH1nh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn TH1nh Trung

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Chum

Ông Bùi Ngọc Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 182/2022/TLPT-DS ngày 27/7/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng uỷ quyền và hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Linh T, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp 5, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; ủy quyền cho ông Trương Tr, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 283/13, đường Phạm Ngọc Thạch, tổ 88, khu 6, phường HT, tH1nh phố TM, tỉnh Bình Dương (Theo Văn bản ủy quyền ngày 25/3/2021 và ngày 14/3/2022), có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố Phú Hoà, phường HL, thị xã B, tỉnh Bình Dương; uỷ quyền cho ông Trần PC, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 153 đường Thích Quảng Đức, phường C, tH1nh phố TM, tỉnh Bình Dương (Văn bản uỷ quyền ngày 06/5/2021 và ngày 31/3/2022), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Duy C1, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 8, Hoàng Hoa Thám, phường PL, tH1nh phố TM, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Ông Nguyễn Phương D1, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố Phú Hoà, phường HL, thị xã B, tỉnh Bình Dương; uỷ quyền cho ông Trần PC, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 153 đường Thích Quảng Đức, phường C, tH1nh phố TM, tỉnh Bình Dương (Văn bản uỷ quyền ngày 24/5/2021 và ngày 03/3/2022), có mặt.

3. Văn phòng Công chứng HL, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường Tạo Lực 5, phường HL, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh Thuỷ, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 26/3/2021; trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trương Tr trình bày:*

Nguyên đơn ông Ngô Linh T và ông Nguyễn Duy C1 là bạn bè quen biết nhau. Ông C1 và vợ chồng bà H1, ông D1 có mối quan hệ làm ăn bên ngoài với nhau. Bà H1, ông D1 là người chuyên cho vay và cầm cố tài sản. Trong khoảng thời gian giữa năm 2020, ông C1 có nói với ông T do ông C1 gặp khó khăn về kinh tế nên có hỏi vay của bà H1 số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Ông C1 nhờ nguyên đơn ông T thế chấp quyền sử dụng đất theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS1278 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/9/2018 do ông T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin thông qua hợp đồng ủy quyền giữa ông T và bà H1.

Ngày 18/7/2020, ông T và bà H1 có ra Văn phòng công chứng Hòa Lợi, tỉnh Bình Dương ký hợp đồng ủy quyền số 3723, quyển số 11/2020TP/CC – SCC/HĐGD.

Một thời gian sau, ông T cảm thấy lo lắng nên đã đưa cho ông C1 số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi để ông C1 trả cho bà H1. Mục đích ông T đưa tiền cho ông C1 là để ông T lấy sổ về, khi ông C1 trả số tiền trên cho bà H1, bà H1 đã trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà H1 có nói và hứa với ông T sẽ ra văn phòng công chứng Hòa Lợi hủy hợp đồng ủy quyền. Sau đó do dịch bệnh Covid 19 bùng phát, bà H1 nói với ông T chưa ra Văn phòng Công chứng Hòa Lợi hủy được, vì ông T tin tưởng bà H1 nên suy nghĩ là bà H1 sẽ ra văn phòng Công chứng Hòa Lợi để hủy hợp đồng ủy quyền.

Ông T đợi mãi mà không thấy bà H1 liên lạc với ông để hủy hợp đồng ủy quyền, ông T có liên hệ lại với bà H1 thì bà H1 nói lại với ông T bà H1 không hủy hợp đồng ủy quyền cho ông T vì ông C1 có vay thêm của bà H1 thêm một số tiền khác nữa. Ông C1 gặp ông T và trình bày với ông T là ông C1 không có khả năng chi trả nên vợ chồng bà H1 muốn gặp ông T để xử lý tài sản. Ngày 08/3/2021, các bên có gặp nhau để thương lượng giải quyết. Tại đây, vợ chồng bà H1 yêu cầu ông C1 phải trả tiền vay và lãi suất với tổng số tiền 3.200.000.000 đồng, lãi suất là 5%/tháng. Ông C1 khẳng định ông C1 có chuyển trả tiền lãi H1ng tháng cho ông D1, tuy nhiên ông C1 trình bày do ông C1 gặp

khó khăn trong làm ăn, không có khả năng trả lãi suất nữa và muốn chốt lại số tiền nợ với số tiền 2.500.000.000 đồng với bà H1 nhưng bà H1 không đồng ý.

Xét thấy việc vay mượn tiền giữa ông C1 và bà H1 không có liên quan tới ông T, việc bà H1 không đồng ý hủy hợp đồng ủy quyền số 3723, quyển số 11/2020TP/CC – SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Hòa Lợi, tỉnh Bình Dương đã xâm phạm trực tiếp đến quyền lợi của nguyên đơn.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hợp đồng ủy quyền số 3723, quyển số 11/2020 TP/CC – SCC/HĐGD ngày 18/7/2020 tại Văn phòng công chứng Hòa Lợi, tỉnh Bình Dương vô hiệu. Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc ông Nguyễn Duy C1 và ông Ngô Linh T cùng có trách nhiệm trả tiền vay cho bà Nguyễn Thị Thu H1 vừa tiền gốc và tiền lãi nguyên đơn không đồng ý vì khoản tiền vay này hoàn toàn không liên quan đến nguyên đơn mà là khoản vay giữa cá nhân ông C1 với bà H1.

** Tại đơn phản tố ngày 26/3/2021; trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần PC trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thu H1 có mối quan hệ quen biết với ông Nguyễn Duy C1 và ông Ngô Linh T trong làm ăn kinh doanh. Tháng 7/2020, ông C1 và ông T cần tiền nên đã nhiều lần vay mượn tiền của bà H1 theo các giấy vay mượn tiền như sau: Ngày 30/9/2020, ông C1, ông T vay của bà H1 số tiền 1.400.000.000 đồng theo giấy cho vay tiền đề ngày 30/9/2020; ngày 31/10/2020, ông C1, ông T vay của bà H1 số tiền 600.000.000 đồng theo giấy cho vay tiền đề ngày 30/10/2020; ngày 04/11/2020, ông C1 cho bà H1 vay số tiền 500.000.000 đồng theo giấy cho vay tiền ngày 04/11/2020 và ngày 07/01/2021, ông C1, ông T tiếp tục vay của bà H1 số tiền 450.000.000 đồng theo lệnh chuyển khoản tại Ngân H1ng Saccombank ngày 07/01/2021.

Các bên thỏa thuận về việc cho vay tiền như sau: Ông C1 đại diện ký các giấy cho vay tiền và nhận tiền vay từ bà H1. Ông C1 cam kết thay mặt ông Ngô Linh T nhận tiền và chịu trách nhiệm chung trên thửa đất mà ông T đã ký hợp đồng ủy quyền với bà H1 theo hợp đồng ủy quyền số 3723, quyển số 11/2020TP/CC – SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Hòa Lợi, tỉnh Bình Dương. Ông T sẽ ủy quyền toàn quền về quyền sử dụng đất chung (quyền sử dụng đất do ông T đứng tên, ông C1 góp tiền mua chung thửa đất nói trên) cho bà H1 để đảm bảo cho việc vay tiền, lãi suất thỏa thuận cho vay là 5%/tháng, thời hạn trả nợ vay không được xác định trong các giấy vay. Tại phiên tòa, bị đơn xác định thời điểm các bên thống nhất các khoản vay đến hạn trả là ngày 01/4/2021.

Sau khi ông C1, ông T vay tiền từ bà H1, bà H1 đã nhiều lần liên hệ ông T, ông C1 thanh toán khoản tiền vay nhưng ông C1, ông T chỉ trả được một số tiền nợ gốc còn tiền lãi ông T và ông C1 chưa thanh toán. Giữa tháng 4/2021, bà H1 nhận được thông báo của Tòa án về việc ông T khởi kiện bà H1 ra Tòa án.

Nhận thấy quyền lợi của bà H1 bị xâm phạm nghiêm trọng nên trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T bà H1 không đồng ý, bà H1 chỉ đồng ý hủy hợp đồng ủy quyền khi ông T và ông C1 trả hết tiền gốc và lãi cho bà H1.

Đối với yêu cầu phản tố tại đơn phản tố đề ngày 10/5/2021, bà H1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Duy C1 và ông Ngô Linh T cùng có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H1 với tổng số tiền gốc và lãi cho vay theo đơn phản tố số tiền 3.398.600.000 đồng.

Trong quá trình vay do ông C1 và ông T đã trả cho bà H1 số tiền gốc là 530.000.000 đồng do vậy, bà H1 đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc mà ông T và ông C1 đã thanh toán là 530.000.000 đồng.

Bà H1 chỉ yêu cầu ông T và ông C1 cùng có trách nhiệm trả cho Bà H1 số tiền cụ thể như sau: Tiền gốc: 2.420.000.000 đồng; tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả từ ngày 30/9/2020 đến ngày 01/4/2021 số tiền 140.383.000 đồng; tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính từ ngày 2/4/2021 đến ngày 29/4/2022 số tiền 519.802.000 đồng.

** Tại Biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy C1 trình bày:*

Ông C1 thừa nhận việc ông C1 có mượn tiền của bà H1 vào các mốc thời gian và theo các hợp đồng vay như sau: Ngày 30/9/2020, ông C1 vay của bà H1 số tiền 1.400.000.000 đồng theo giấy cho vay tiền đề ngày 30/9/2020; ngày 31/10/2020, ông C1 vay của bà H1 số tiền 600.000.000 đồng theo giấy cho vay tiền đề ngày 30/10/2020; ngày 04/11/2020, ông C1 cho bà H1 vay số tiền 500.000.000 đồng theo giấy cho vay tiền ngày 04/11/2020 và ngày 07/01/2021, ông C1 tiếp tục vay của bà H1 số tiền 450.000.000 đồng theo lệnh chuyển khoản tại Ngân H1ng Saccombank ngày 07/01/2021.

Việc vay mượn tiền là giao dịch chỉ giữa cá nhân ông và bà H1 nên người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày ông T có cùng với ông vay tất cả các khoản vay trên của bà H1 là không chính xác, sự thật là ông T có cần tiền nên có nói với ông C1 vay mượn của ông C1 số tiền 500.000.000 đồng, vì ông C1 không có tiền mặt nên có nói với ông T, ông T đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T cho ông mượn và nhờ ông T đi cùng với ông C1 ra Văn phòng công chứng Hòa Lợi, tỉnh Bình Dương ký hợp đồng ủy quyền cho bà H1, mục đích để làm tin cho việc vay mượn tiền, ông T có ký hợp đồng ủy quyền với bà H1 thì bà H1 mới cho ông C1 mượn tiền. Sau khi ông T mượn ông C1 số tiền 500.000.000 đồng, ông T đã trả đủ cho ông C1 số tiền 500.000.000 đồng mà ông T đã mượn của ông C1, ông C1 đã trả số tiền trên cho bà H1. Do đó, việc bà H1 trình bày ông T có vay tiền của bà H1 là không chính xác, tất cả các khoản nợ mà ông và bà H1 viết giấy với nhau là khoản nợ giữa cá nhân ông C1 và bà H1, vì ông chủ quan tin bà H1 nên không có giữ giấy vay nào hết, ông C1 khẳng định tất cả các nội dung về việc ghi thêm trách nhiệm của ông T hoàn toàn không có lúc các bên viết giấy vay tiền.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án giải

quyết tuyên hợp đồng ủy quyền số 3723, quyển số 11/2020TP/CC – SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Hòa Lợi, tỉnh Bình Dương vô hiệu và đề nghị không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, ông đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Đối với yêu cầu phản tố của bà H1, ông đồng ý trả số tiền gốc và lãi cho bà H1.

** Tại Biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phương D1 ông Trần Chúc Phúc trình bày:*

Việc vay mượn tiền giữa các bên ông T, ông C1 và bà H1, ông D1 có biết. Tuy nhiên, về số tiền mà bà H1 cho ông T và ông C1 vay là tiền riêng của cá nhân bà H1, bà H1 chỉ nhờ ông và lấy tài khoản Ngân H1ng của ông để chuyển tiền cũng như nhận tiền liên quan đến giao dịch vay tiền giữa bà H1 và ông T, ông C1. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T đối với bà H1, trước yêu cầu phản tố của bà H1 với ông T, ông C1 đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

** Tại văn bản trình bày ý kiến trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Hòa Lợi trình bày:*

Công chứng viên Văn phòng công chứng Hòa Lợi đã thực hiện việc công chứng hợp đồng ủy quyền số công chứng 3723, quyển số 11/2020TP/CC – SCC/HĐGD ngày 18/7/2020 theo đúng quy định của pháp luật. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Linh T và bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 và trước yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Thị Thu H1 với ông Ngô Linh T và ông Nguyễn Duy C1 đề nghị Tòa án căn cứ vào quy đinh của pháp luật để giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Linh T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 về việc: "Tranh chấp hợp đồng ủy quyền".

Tuyên hợp đồng ủy quyền số 3723, quyển số 11/2020TP/CC – SCC/HĐGD ngày tại Văn phòng công chứng Hòa Lợi, tỉnh Bình Dương được ký kết giữa ông Ngô Linh T và bà Nguyễn Thị Thu H1 ngày 18/7/2020 vô hiệu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 đối với nguyên đơn ông Ngô Linh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy C1 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Nguyễn Duy C1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu H1 tổng số tiền 3.088.185.000 đồng (ba tỉ không trăm tám mươi tám triệu một trăm tám mươi lăm nghìn) đồng, trong đó tiền gốc: 2.420.000.000 (hai tỉ bốn trăm hai mươi triệu) đồng; tiền lãi trên nợ gốc trong hạn số tiền 140.383.000 (một

trăm bốn mươi triệu ba trăm tám mươi ba nghìn) đồng; tiền lãi trên nợ gốc quá hạn số tiền 519.802.000 (năm trăm mười chín triệu tám trăm lẻ hai nghìn) đồng.

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 đối với số tiền 530.000.000 đồng đã rút yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nghĩa vụ chậm thi H1nh án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/5/2022, bà Nguyễn Thị Thu H1 là bị đơn có đơn kháng cáo, yêu cầu xét xử lại phúc thẩm. Tại phiên tòa, bị đơn kháng cáo yêu cầu ông Ngô Linh T là nguyên đơn phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Nguyễn Duy C1 trả nợ cho bị đơn 3.088.185.000 đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Những người tiến H1nh tố tụng và người tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Các giấy tờ liên quan đến việc vay mượn tiền do ông C1 là người trực tiếp vay tiền của bị đơn, không có tài liệu chứng cứ nguyên đơn vay tiền của bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng ủy quyền vô hiệu do giả tạo và buộc ông C1 trả nợ cho bị đơn 3.088.185.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét Hợp đồng ủy quyền ngày 18/7/2020 giữa bên ủy quyền ông Ngô Linh T (bên A) với bên nhận ủy quyền bà Nguyễn Thị Thu H1 (bên B) có nội dung: Bên A ủy quyền cho bên B thay mặt đại diện nhân danh bên A được toàn quyền quyết định và thực hiện (khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật), các công việc thủ tục sau: Thế chấp quyền sử dụng đất của bên A (bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên A hoặc bên B hoặc của người khác tại tổ chức tín dụng được phép nhận thế chấp. Xử lý tài sản để thực hiện nghĩa vụ trả nợ (nếu có)… Thấy rằng: Sau khi các bên lập hợp đồng ủy quyền, thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn do nguyên đơn quản lý và cũng không thế chấp tại tổ chức tín dụng nào để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Lời khai của bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm xác định: Các bên ký hợp đồng ủy quyền để đảm bảo cho việc nguyên đơn và ông C1 vay tiền của bị đơn từ trước khi xác lập hợp đồng ủy quyền và sau khi lập hợp đồng ủy quyền nhưng không có giấy tờ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng ủy quyền vô hiệu do giả tạo là có căn cứ các Điều 122, 124 Bộ luật Dân sự.

[2] Bị đơn kháng cáo yêu cầu nguyên đơn và ông C1 liên đới trả nợ cho bị đơn 3.088.185.000 đồng (trong đó tiền gốc 2.420.000.000 đồng, tiền lãi 660.185.000 đồng). Thấy rằng: Theo các tài liệu do bị đơn cung cấp: Giấy vay tiền ngày 30/9/2020, nội dung: Bị đơn cho ông C1 vay 1.400.000.00 đồng; Giấy

vay tiền ngày 31/10/2020, nội dung: Bị đơn cho ông C1 vay 600.000.000 đồng; Giấy cho vay tiền ngày 04/11/2020, nội dung: Bị đơn cho ông C1 vay 500.000.000 đồng; chuyển khoản tại Ngân H1ng Sacombank ngày 07/01/2021 ông C1 nhận 450.000.000 đồng. Tất cả các giấy vay tiền và nhận tiền tại Ngân H1ng Sacombank là do bị đơn và ông C1 thực hiện giao nhận tiền, ký tên, điểm chỉ; không có tài liệu nào thể hiện nguyên đơn có tham gia vay tiền của bị đơn. Tại Kết luận giám định số 4824/C09B, ngày 25/01/2022 của Phân viện Khoa học Hình sự tại TH1nh phố Hồ Chí Minh kết luận: "Nếu bên B (T + C1) không trả tiền gốc + lãi thì tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ký công chứng ủy quyền thuộc tài sản của bên A giá trị là 3 tỷ 2 trăm triệu"; nội dung trên là được điền thêm vào giấy cho vay tiền ngày 30/9/2020. Bị đơn không đưa ra được chứng cứ nguyên đơn có vay tiền của bị đơn và ông C1 xác định việc vay tiền của bị đơn là cá nhân ông vay, không liên quan đến nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông C1 trả nợ cho bị đơn 3.088.185.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật các Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự. Xét đối với số tiền 530.000.000 đồng bị đơn xác định ông C1 đã trả cho bị đơn, bị đơn rút yêu cầu phản tố, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết là phù hợp.

[3] Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Xét không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp. Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các Điều: 147; 148; khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều : 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H1. Giữ nguyên Bản án số 20/2022/DS-ST ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Linh T. Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền công chứng số 3723, ngày 18/7/2020 giữa ông Ngô Linh T với bà Nguyễn Thị Thu H1 vô hiệu.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Thu H1. Buộc ông Nguyễn Duy C1 có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Thu H1 số tiền

3.088.185.000 đồng (trong đó tiền gốc là 2.420.000.000 đồng, tiền lãi là 660.185.000 đồng).

- Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 đối với số tiền 530.000.000 đồng đã rút yêu cầu.

2. Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

- Án phí sơ thẩm: Ông Ngô Linh T không phải chịu án phí sơ thẩm. Chi cục Thi H1nh án dân sự thị xã B hoàn lại cho ông T 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0054429, ngày 01/11/2021. Bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu 300.000 đồng được trừ vào 49.986.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0054567, ngày 19/5/2021 của Chi cục Thi H1nh án dân sự thị xã B. Chi cục Thi H1nh án dân sự thị xã B hoàn lại cho bà H1 49.686.000 đồng. Ông Nguyễn Duy C1 phải chịu 93.763.700 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu 300.000 đồng được trừ vào 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005248, ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi H1nh án dân sự thị xã B.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Ngô Linh T tự nguyện nộp (đã thực hiện xong)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi H1nh án của người được thi H1nh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi H1nh án) cho đến khi thi H1nh án xong, bên phải thi H1nh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi H1nh án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi H1nh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi H1nh án dân sự thì người được thi H1nh án dân sự, người phải thi H1nh án dân sự có quyền thỏa thuận thi H1nh án, quyền yêu cầu thi H1nh án, tự nguyện thi H1nh án hoặc bị cưỡng chế thi H1nh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi H1nh án dân sự; thời hiệu thi H1nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi H1nh án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn TH1nh Trung